

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2020

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Thân Văn Kỳ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Bà **Huyền Thị Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 880/2019/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngọc P**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp 02, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Cao Nguyên L**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp 02, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt tại phiên tòa; anh L vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị Ngọc P** trình bày: Chị và anh **Cao Nguyên L** xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 11/2019 tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do anh L thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung tên **Cao Ngọc Như Y**, sinh ngày 10/4/2005; **Cao Ngọc Tường V**, sinh ngày 29/10/2011 và **Cao Phạm Hoàng**

X, sinh ngày 30/9/2016. Hiện 03 con chung do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi hết 03 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Cao Nguyên L không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Riêng đối với bị đơn anh L vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Cao Nguyên L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị Phi khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của chị và anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh L nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc P và anh Cao Nguyên L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hữu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01/2004 ngày 12/7/2004 nên xác định hôn nhân của anh – chị là hợp pháp. Sau khi cưới về anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 11/2019 tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân theo chị P trình bày là do anh L thường xuyên cờ bạc, gây nợ nần nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Còn anh L, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ việc chị P xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị P. Đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P và cho chị P được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị P và anh L có 03 con chung tên Cao Ngọc Như Y, sinh ngày 10/4/2005; Cao Ngọc Tường V, sinh ngày 29/10/2011 và Cao Phạm Hoàng X, sinh ngày 30/9/2016. Hiện 03 con chung do phía chị P đang nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định. Đồng thời theo nguyện vọng của con chung cũng muốn được sống với mẹ nên tiếp tục giao hết 03 con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

**[3]. Về án phí:** Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Chị P và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc P.

Cho chị Phạm Thị Ngọc P được ly hôn với anh Cao Nguyên L.

**2. Về con chung:**

- Tiếp tục giao 03 con chung tên Cao Ngọc Như Y, sinh ngày 10/4/2005; Cao Ngọc Tường V, sinh ngày 29/10/2011 và Cao Phạm Hoàng X, sinh ngày 30/9/2016 cho chị P nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:**

- Chị P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002897 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị P đã thi hành xong phần án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:**

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh L được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã An Hữu, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**